

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 573/2023/DS-PT

Ngày: 22/8/2023

V/v “Tranh chấp chia thừa kế QSDĐ, yêu
cầu huỷ giấy CNQSDĐ và đòi QSDĐ”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Ý

Các Thẩm phán: Ông Vương Minh Tâm

Ông Nguyễn Văn Minh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 310/2023/TLPT-DS ngày 01 tháng 6 năm 2023, về việc: “Tranh chấp chia thừa kế QSDĐ, yêu cầu huỷ giấy CNQSDĐ và đòi quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2023/DS-ST ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2130/QĐPT, ngày 27 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Nguyễn Thị L (tên gọi khác H), sinh năm 1958; cư trú tại: Ấp Đông H, xã Đại H, huyện Kế S, tỉnh Sóc Trăng; vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm 1963; cư trú tại: Ấp Xây Đá A, xã Hồ Đắc K, huyện Châu T, tỉnh Sóc Trăng; vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị Huỳnh H, sinh năm 1965; cư trú tại: Ấp Xây Đá A, xã Hồ Đắc K, huyện Châu T, tỉnh Sóc Trăng; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn bà L, bà M, bà H: Ông Nguyễn Minh Y, sinh năm 1975; cư trú tại: Số 209, ấp Cống Đ, xã Hồ Đắc K,

huyện Châu T, tỉnh Sóc Trăng là người đại diện theo uỷ quyền (Giấy uỷ quyền ngày 15/7/2020); có mặt.

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Thanh O, sinh năm 1953; cư trú tại: Ấp Xây Đá A, xã Hồ Đắc K, huyện Châu T, tỉnh Sóc Trăng; vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn Nguyễn Thanh O: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1989; cư trú tại: 24/30 đường N8, phường Phú N, quận 7, TP. Hồ Chí Minh; bà Văn Thị Hồng Th, sinh năm 1988; cư trú tại: Đắc M, Đắc H, Kon Tum; bà Nguyễn Thị Thanh Ng, sinh năm 1998; cư trú tại: Tổ dân phố số 06, thị trấn Vạn G, Vạn N, tỉnh Khánh Hòa (theo Giấy uỷ quyền ngày 11/5/2023); có mặt.

2. Ông Võ Minh S (tên khác Võ Văn S), sinh năm 1973; cư trú tại: Ấp Xây Đá B, xã Hồ Đắc K, huyện Châu T, tỉnh Sóc Trăng; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Đào Thị Hồng C, sinh năm 1976; cư trú tại: Ấp Xây Đá B, xã Hồ Đắc K, huyện Châu T, tỉnh Sóc Trăng; vắng mặt.

2. Ông Lâm Hiệp S (Lâm Văn S), sinh năm 1968; vắng mặt.

3. Bà Lâm Thị N, sinh năm 1963; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Ấp Xây Đá A, xã Hồ Đắc K, huyện Châu T, tỉnh Sóc Trăng.

4. Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1985; vắng mặt.

5. Anh Nguyễn Tùng S (tên khác Đ), sinh năm 1987; vắng mặt.

6. Ông Lê Văn N, sinh năm 1998; vắng mặt.

7. Bà Lê Thị Ngọc Th, sinh năm 2000; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Ấp Xây Đá A, xã Hồ Đắc K, huyện Châu T, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của bà Thuận: Bà Nguyễn Thị Thúy N, sinh năm 1978; cư trú tại: Ấp Xây Đá A, xã Hồ Đắc K, huyện Châu T, tỉnh Sóc Trăng là người đại diện theo uỷ quyền (Giấy uỷ quyền ngày 03/03/2022); vắng mặt.

8. Ông Đoàn Văn Tr, sinh năm 1989; vắng mặt.

9. Bà Đoàn Thị Kiều M (tên gọi khác H), sinh năm 1993; vắng mặt.

10. Ông Trần Minh Khánh H, sinh năm 2002; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Ấp Xây Đá A, xã Hồ Đắc K, huyện Châu T, tỉnh Sóc Trăng.

11. Ủy ban nhân dân huyện Châu T; địa chỉ: Ấp Xây C, thị trấn Châu T, huyện Châu T, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của UBND huyện Châu T: Ông Thái Hồng H - Chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Châu T là người đại diện theo uỷ quyền (Giấy uỷ quyền số 45/UQ-UBND ngày 18/8/2023); vắng mặt.

12. Ủy ban nhân dân huyện Mỹ T; địa chỉ: Ấp Cầu Đ, thị trấn Huỳnh Hữu N, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của UBND huyện Mỹ T: Ông Lý Ngọc Thanh L - Chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Mỹ T là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 20/UQ-HC ngày 26/4/2022); có đơn vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Thanh O là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 07/05/2020 (BL 01) và Đơn yêu cầu bổ sung ngày 19/07/2022 (BL 668), trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn là ông Nguyễn Minh Y trình bày:

Nguyên lúc sinh thời, cụ Nguyễn Văn D (chết ngày 18/11/1985), cụ Đinh Thị N (chết ngày 18/02/2003) có tạo lập được 01 phần đất ở có diện tích ngang khoảng 17m x dài 25m và khoảng 10 công đất ruộng cùng tọa lạc tại Ấp Xây Đá A, xã Hồ Đắc K, huyện Châu T, tỉnh Sóc Trăng. Hai cụ có 04 người con gồm ông Nguyễn Thanh O, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Ngọc M và bà Nguyễn Thị Huỳnh H. Đến năm 1985, cụ D chết không để lại di chúc và cụ N tiếp tục ở và quản lý phần đất nêu trên với người con út là Nguyễn Thị Huỳnh H. Đến năm 2003 thì cụ N chết, cũng không để lại di chúc nên ông Nguyễn Thanh O về ở và quản lý phần đất của cha, mẹ để lại. Do các bà L, bà M và bà H điều kiện khó khăn và có chồng pO thường xuyên đi làm ăn xa nên ông O đã đăng ký kê khai, đăng ký và được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng, đối với đất ở có diện tích 980m², tại thửa đất số 853 và đất ruộng tại thửa đất số 227, cùng tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại Ấp Xây Đá A, xã Hồ Đắc K, huyện Châu T, tỉnh Sóc Trăng. Nhưng sau đó, ông O đã chuyển nhượng toàn bộ phần đất ruộng cho người khác; phần đất tại thửa đất số 853 chuyển nhượng cho ông Võ Văn Sơn chiều ngang cấp quốc lộ 1A là 04m, chiều dài chạy thẳng đến kênh thủy lợi khoảng 45m (diện tích 164m²) và chuyển nhượng cho ông Lâm Văn S chiều ngang cấp quốc lộ 1A là 03m, chiều dài chạy thẳng đến kênh thủy lợi khoảng 45m.

Việc ông O đăng ký, kê khai và xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cha, mẹ để lại tại thửa đất số 853, cũng như chuyển nhượng một phần diện tích đất tại thửa đất số 853 cho ông Võ Văn Sơn, ông Lâm Văn S thì các em trong gia đình là bà L, bà M và bà H hoàn toàn không biết, ông O không có hỏi ý kiến ai, tự ý đăng ký và chuyển nhượng.

Trong tổng diện tích đất tranh chấp có 300m² đất thổ cư, trong đó phần ông O được chia tương ứng 75m² đất thổ cư (300m²/4), nhưng trong diện tích đất ông O chuyển nhượng cho ông Võ Văn Sơn thì ông Sơn tách quyền sử dụng đất đến 90m² đất thổ cư là vượt 15m² đất thổ cư, nên làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các nguyên đơn.

Nay các đồng nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Ngọc M và bà Nguyễn Thị Huỳnh H khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết:

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 729333 ngày 01/12/1991 của UBND huyện Mỹ T (nay là huyện Châu T) cấp cho ông Nguyễn Thanh O tại thửa đất số 853, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại Ấp Xây Đá A, xã Hồ Đắc K, huyện Châu T, tỉnh Sóc Trăng.

- Chia thừa kế theo quy định của pháp luật đối với phần đất có diện tích đo đạc thực tế hiện nay là 557,8m², tại thửa đất số 853, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại Ấp Xây Đá A, xã Hồ Đắc K, huyện Châu T, tỉnh Sóc Trăng.

- Buộc ông Võ Minh Sơn phải có trách nhiệm trả lại 15m² đất thổ cư bằng tiền là 75.000.000đồng (15m² x 5.000.000đ/m²).

2. Theo Đơn yêu cầu phân tố ngày 08/7/2020 (BL 44), Tờ tường trình ngày 06/9/2020 của bị đơn ông Nguyễn Thanh O (BL 47) và Văn bản trả lời ngày 22/11/2021 (BL 505), trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Phần đất tại thửa đất số 853, tờ bản đồ số 03 tọa lạc tại Ấp Xây Đá A, xã Hồ Đắc K, huyện Châu T, tỉnh Sóc Trăng mà các nguyên đơn bà Lùn, bà M và bà H yêu cầu chia thừa kế có nguồn gốc là của cha, mẹ ông O là cụ Nguyễn Văn Dè, cụ Đinh Thị Ngà khai phá trước năm 1975 (ông O còn trình bày khác là cụ Ngà, cụ Dè nhận chuyển nhượng của bà Tư Lãnh; ông O nhận chuyển nhượng của bà Tư Lãnh giá 3.000.000 đồng). Đến năm 1975, khi ông O có gia đình ra ở riêng nên được cha mẹ cho phần đất này cất nhà ở tạm, gia đình ông O ở đến năm 1991 thì đi đăng ký, kê khai xin Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích 980m², tại thửa đất số 853, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại Ấp Xây Đá A, xã Hồ Đắc K, huyện Châu T, tỉnh Sóc Trăng. Trong quá trình quản lý, sử dụng đất thì ông O có chuyển nhượng cho ông Võ Văn S 01 cái mương cặp bên có diện tích chiều ngang khoảng 04m, chiều dài khoảng 45m và chuyển nhượng cho ông Lâm Văn S 01 cái mương có diện tích chiều ngang khoảng 03m (sau này trình bày 1,5m), chiều dài khoảng 45m. Còn đối với phần đất ruộng 10 công thì lúc mẹ ông O còn sống đã đứng ra chuyển nhượng cho ông Hồ Văn Nh và chia đều tiền cho các con trong gia đình. Sau đó, anh chị em trong gia đình ai cũng có gia đình riêng, mỗi người sống một nơi. Đến năm 2007, bà Nguyễn Thị Huỳnh H (em của ông O) làm ăn thất bại nên có đến gặp ông xin cất chòi lá tạm để ở và làm chỗ sửa xe cặp bên trước nhà ông O ở, do tình cảm anh em và hoàn cảnh bà H khó khăn nên ông đồng ý cho ở làm nơi sinh sống. Đến năm 2011, thì bà H tiếp tục sửa chữa lại nhà kiên cố hơn như hiện nay và lấn chiếm thêm, tổng diện tích bà H đang sử dụng cất nhà ở có chiều ngang khoảng 04m, chiều dài khoảng 14m, do là anh em nên ông O không có ngăn cản, để cho bà H cất nhà ở cho đến nay. Nay các em ông O khởi kiện, yêu cầu chia thừa kế và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất tại thửa đất số 853, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại Ấp Xây Đá A, xã Hồ Đắc K, huyện Châu T, tỉnh Sóc Trăng thì ông O không đồng ý, do phần đất này là của ông O, được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp và sử dụng ổn định từ năm 1975 cho đến nay, trên thửa đất này ông O đã xây dựng nhà ở kiên

cố và có phần mộ của cha, mẹ và vợ ông O nên các nguyên đơn yêu cầu chia là không có cơ sở.

Đồng thời, ông Nguyễn Thanh O có yêu cầu phản tố đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Huỳnh H, yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết buộc bà H tháo dỡ nhà để trả lại phần đất đang sử dụng cho ông O theo diện tích thẩm định, đo đạc thực tế của Tòa án.

3. Tại Tờ trình ý kiến ngày 08/11/2021 (BL 447), trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn Võ Minh S bày:

Phần đất diện tích 164m², thửa đất số 989, tờ bản đồ số 03 không liên quan đến việc tranh chấp, vì nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế trên phần đất đo đạc hiện có của ông O.

Nguyên năm 2002, ông O chuyển nhượng đất nêu trên cho ông thì không có ai tranh chấp, ông O đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên đã làm thủ tục chuyển nhượng phần đất cho ông là đúng theo quy định của pháp luật và ông Sơn đã được Ủy ban nhân dân (nay viết tắt là UBND) huyện Mỹ T (nay Châu T) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 629352 ngày 10/10/2002 (BL 448), đối với diện tích 164m², thửa đất số 989, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại Ấp Xây Đá A, xã Hồ Đắc K, huyện Châu T, tỉnh Sóc Trăng.

Ông Võ Minh S không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn đối với bị đơn ông Nguyễn Thanh O có liên quan đến phần diện tích đất đã chuyển nhượng cho ông; không đồng ý đối với yêu cầu về việc buộc ông trả lại 15m² đất thổ cư bằng tiền là 75.000.000đồng (15m² x 5.000.000đ/m²).

4. Tại Tờ tương trình ngày 08/07/2020 (BL 100), trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà Lâm Thị N và ông Lâm Hiệp S là ông Võ Minh Th trình bày:

Nguyên ông Nguyễn Thanh O và bà Lâm Thị N có cái mương chung, mỗi người ½, ngày 05/06/1998 ông O chuyển nhượng cho bà N nửa cái mương để bà N lấp làm nên nhà, với số tiền thời điểm đó là 1.000.000 đồng và bà N đã trả đủ tiền cho ông O, trong việc chuyển nhượng có làm giấy tay (BL 101), phần đất này hiện tại bà N đã ủy quyền cho ông S (em ruột) quản lý, sử dụng. Những lời tường trình là sự thật, nếu bà N gian dối bà N hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Ông S và bà N không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn đối với bị đơn ông Nguyễn Thanh O có liên quan đến phần diện tích đất đã chuyển nhượng cho ông, bà.

5. Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa sơ thẩm, bà Đào Thị Hồng C trình bày: Thống nhất theo trình bày và yêu cầu của ông Võ Minh S.

6. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thanh T, anh Nguyễn Tùng S, em Lê Văn N, Lê Thị Ngọc T: Không có ý kiến đối với các yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố của các nguyên đơn, bị đơn.

7. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đoàn Văn Tr, chị Đoàn Thị Kiều M, anh Trần Minh Khánh H: Thống nhất theo trình bày và yêu cầu

của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Huỳnh H, không có ý kiến đối với các yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, không đồng ý đối với yêu cầu phản tố của bị đơn.

8. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND huyện Mỹ Tú:* Không có ý kiến đối với các yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn và yêu cầu phản tố của bị đơn.

9. *Tại các văn bản số 835/UBND-VP ngày 12/10/2020 (BL 113), số 426/UBND-VP ngày 12/05/2022 (BL 702) và số 34/UBND-VP ngày 12/01/2023 (BL 704), người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND huyện Châu T trình bày:*

Việc chênh lệch diện tích thửa đất số 853, tờ bản đồ số 03 theo Giấy chứng nhận và theo đo đạc thực tế là do bị ảnh hưởng thu hồi đất thực hiện Dự án khôi phục Quốc lộ 1A (giai đoạn 3) diện tích 134,2m² và tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận cho ông O là cấp đại trà, không đo đạc thực tế. Hồ sơ UBND huyện Mỹ T cấp Giấy chứng nhận cho ông O ngày 01/12/1991 hiện không còn lưu trữ, hồ sơ cấp Giấy chứng nhận từ năm 2010 trở về trước đã chuyển về Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Sóc Trăng để lưu trữ.

Thửa đất số 853, tờ bản đồ số 03, bị ảnh hưởng thu hồi đất thực hiện Dự án Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1A đoạn từ thị xã Ngã Bảy (nay thành phố Ngã Bảy), tỉnh Hậu Giang đến huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, hiện đang triển khai thực hiện thủ tục thu hồi đất. Việc thu hồi, bồi thường và hỗ trợ được thực hiện theo đúng quy định. Tuy nhiên, UBND huyện chưa hoàn thành thủ tục thu hồi đất với thửa đất trên nên chưa đủ cơ sở để trả lời theo yêu cầu của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Số tiền bồi thường và hỗ trợ với phần đất (bao gồm tiền bồi thường, hỗ trợ về đất, công trình và cây trồng trên đất) tại thửa đất số 853, tờ bản đồ số 03 là 99.905.062 đồng (ông O 43.630.905 đồng và bà H 56.274.157 đồng) và đang được giữ tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Sóc Trăng.

UBND huyện không có ý kiến đối với việc tranh chấp và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết vụ việc theo đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn Võ Minh Sơn; giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện về việc yêu cầu chia thừa kế và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; người đại diện theo ủy quyền của bị đơn giữ nguyên nội dung đơn yêu cầu phản tố. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự số 11/2023/DS-ST ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng quyết định:

Căn cứ khoản 5 và 9 Điều 26, khoản 4 Điều 34, Điều 37, Điều 147, Điều 165, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 244, Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng Hành chính năm 2015 và khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013;

Áp dụng Điều 11, Điều 14, Điều 15, Điều 164, Điều 166, Điều 613, Điều 620, Điều 621, Điều 623, Điều 649, điểm a khoản 1 Điều 650, điểm a khoản 1 và 2 Điều 651, điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Ngọc M và Nguyễn Thị Huỳnh H về việc yêu cầu buộc bị đơn Võ Minh Sơn pO có trách nhiệm trả lại giá trị quyền sử dụng đất diện tích 15m² đất thổ cư bằng tiền là 75.000.000đồng (15m² x 5.000.000đ/m²).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Ngọc M và Nguyễn Thị Huỳnh H về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chia thừa kế theo pháp luật.

2.1. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 729333 ngày 01/12/1991 của UBND huyện Mỹ Tú (nay là huyện Châu T) cấp cho hộ Nguyễn Thanh O.

2.2. Chia thừa kế theo pháp luật đối với quyền sử dụng đất diện tích 557,8m² (loại đất thổ cư 300m², đất trồng cây lâu năm 257,8m²), thuộc thửa đất số 853, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại Ấp Xây Đá A, xã Hồ Đắc K, huyện Châu T, tỉnh Sóc Trăng là di sản của cụ Nguyễn Văn D và Đình Thị Ngà chết để lại. Để lại Khu mộ diện tích 51,1m²; Phần đất còn lại diện tích 506,7m², chia thừa kế cho các nguyên đơn Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Ngọc M, Nguyễn Thị Huỳnh H và bị đơn Nguyễn Thanh O mỗi người được thừa hưởng 01 kỷ phần thừa kế tương đương diện tích 126,675m² (loại đất thổ cư 75m², đất trồng cây lâu năm 51,675m²), có giá trị 465.023.850 đồng.

- Ôn định cho nguyên đơn Nguyễn Thị Huỳnh H tiếp tục sử dụng diện tích 94,8m² (loại đất thổ cư 75m², đất trồng cây lâu năm 19,8m²), thuộc thửa đất số 853, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại Ấp Xây Đá A, xã Hồ Đắc K, huyện Châu T, tỉnh Sóc Trăng. Vị trí và tứ cận đất như sau:

+ Hướng Đông: Giáp thửa 989 (phần đất ông S nhận chuyển nhượng của ông O), có số đo 10,66m + 16,89m + 7,27m;

+ Hướng Tây: Giáp phần đất còn lại của thửa 853, do ông Nguyễn Thanh O đang sử dụng, có số đo 7,01m+0,53m+28,86m;

+ Hướng Nam: Giáp Quốc lộ 1A, có số đo 4,16m;

+ Hướng Bắc: Giáp phần đất còn lại của thửa 853 (phần đất khu mộ), có số đo 1,33m.

(có sơ đồ đo đạc kèm theo)

- Ôn định cho bị đơn Nguyễn Thanh O tiếp tục sử dụng diện tích 205,3m² (loại đất thổ cư 135m², đất trồng cây lâu năm 70,3m²), thuộc thửa đất số 853, tờ

bản đồ số 03, tọa lạc tại Ấp Xây Đá A, xã Hồ Đắc K, huyện Châu T, tỉnh Sóc Trăng. Vị trí và tứ cận đất như sau:

+ Hướng Đông: Giáp phần đất còn lại của thửa 853, do bà Nguyễn Thị Huỳnh H sử dụng và phần đất khu mộ, có số đo 7,01m+0,53m+28,86m + 4m + 6,3,6m + 1,07m + 2,64m;

+ Hướng Tây: Giáp đất ông Lâm Hiệp S, có số đo 10,66m + 16,89m + 15,57m;

+ Hướng Nam: Giáp Quốc lộ 1A, có số đo 5,01m;

+ Hướng Bắc: Giáp Kênh Hậu, có số đo 2,97m.

(có sơ đồ đo đạc kèm theo)

- Khu mộ diện tích 51,1m² (loại đất trồng cây lâu năm), thuộc thửa đất số 853, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại Ấp Xây Đá A, xã Hồ Đắc K, huyện Châu T, tỉnh Sóc Trăng. Vị trí và tứ cận đất như sau:

+ Hướng Đông: Giáp thửa 989 (phần đất ông S nhận chuyển nhượng của ông O), có số đo 9m;

+ Hướng Tây: Giáp phần đất còn lại của thửa 853, do ông Nguyễn Thanh O đang sử dụng, có số đo 6,36m + 1,07m + 2,64m;

+ Hướng Nam: Giáp phần đất còn lại của thửa 853, có số đo 4m + 1,33m + 0,79m;

+ Hướng Bắc: Giáp Kênh Hậu, có số đo 4,81m.

(có sơ đồ đo đạc kèm theo)

Nguyên đơn Nguyễn Thị Huỳnh H và bị đơn Nguyễn Thanh O được lập thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng theo quy định của pháp luật về đất đai đối với diện tích được ổn định.

2.3. Bị đơn Nguyễn Thanh O có nghĩa vụ trả lại giá trị quyền sử dụng đất cho các đồng thừa kế là nguyên đơn:

- Trả cho nguyên đơn Nguyễn Thị L giá trị quyền sử dụng đất diện tích 126,675m² (loại đất thổ cư 75m², đất trồng cây lâu năm 51,675m²), với số tiền là 465.023.850 đồng.

- Trả cho nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc M giá trị quyền sử dụng đất diện tích 126,675m² (loại đất thổ cư 75m², đất trồng cây lâu năm 51,675m²), với số tiền là 465.023.850 đồng.

- Trả cho nguyên đơn Nguyễn Thị Huỳnh H giá trị quyền sử dụng đất diện tích 31,875m² (loại trồng cây lâu năm) với số tiền là 46.601.250 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, các nguyên đơn Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị M và Nguyễn Thị Huỳnh H có đơn yêu cầu thi hành án thì bị đơn Nguyễn Thanh O pO giao trả đủ cho bà Lùn số tiền 469.190.550 đồng, bà M số tiền 469.190.550 đồng và bà H số tiền 46.601.250 đồng theo quy định của Luật Thi

hành án dân sự. Nếu bị đơn Nguyễn Thanh O không thực hiện thì pO trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Nguyễn Thanh O về việc yêu cầu nguyên đơn Nguyễn Thị Huỳnh H và người cùng sử dụng đất pO giao trả quyền sử dụng đất diện tích 56m², thuộc thửa đất số 853, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại Ấp Xây Đá A, xã Hồ Đắc K, huyện Châu T, tỉnh Sóc Trăng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí thẩm định, đo vẽ, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14/4/2023 ông Nguyễn Thanh O kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, bác đơn khởi kiện của nguyên đơn chấp nhận đơn phản tố của ông O, buộc bà H và những người sử dụng đất pO trả lại đất cho ông O.

Tại phiên toà, đại diện hợp pháp của ông O: Vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo và các đương sự không thoả thuận được việc giải quyết vụ án. Đại diện của ông O cho rằng năm 1985 cụ Dè chết thì thửa đất tranh chấp chưa có một trong những loại giấy tờ quy định của pháp luật, nên thửa đất tranh chấp không pO là di sản. Khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông O các bà Lùn, M, H không ở trên đất; cấp giấy cho hộ ông O đúng quy định trình tự, thủ tục; cụ Ngà khi còn sống không có ý kiến về việc cấp giấy cho hộ ông O, nên đất của ông O. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của ông O, sửa bản án sơ thẩm bác đơn khởi kiện của nguyên đơn và buộc bà H và những người sử dụng đất pO trả lại đất cho ông O.

Đại diện của nguyên đơn trình bày: Toà án cấp sơ thẩm đã thu thập đầy đủ các tài liệu, chứng cứ và xét xử đúng quy định của pháp luật, việc trình bày của người đại diện của ông O không phù hợp, đề nghị bác đơn kháng cáo của ông O, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Về thủ tục tố tụng những người tiến hành tố tụng, các đương sự tuân thủ đúng theo quy định. Về nội dung kháng cáo của ông O thì thấy nguồn gốc thửa đất tranh chấp của cụ Dè và cụ Ngà; ông O cho rằng đất cụ Dè và cụ Ngà đã tặng cho đất ông O nhưng ông O không cung cấp được chứng cứ. Di sản hai cụ để lại, nguyên đơn yêu cầu chia theo pháp luật, bản án sơ thẩm xét xử đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn kháng cáo của ông O, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

- Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Thanh O đúng theo quy định của pháp

luật, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- Xét đơn kháng cáo của ông Nguyễn Thanh O:

[1]. Các đương sự đều thừa nhận diện tích 557,8m² (trong đó có 300m² đất thổ cư và 257,8m² đất trồng cây lâu năm), thuộc thửa số 853, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại Ấp Xây Đá A, xã Hồ Đắc K, huyện Châu T, tỉnh Sóc Trăng; có nguồn gốc của cụ Nguyễn Văn Dè và cụ Đinh Thị Ngà nhận chuyển nhượng của cụ Tư Lãnh (Trần Thị Diễm); cụ Nguyễn Văn Dè và cụ Đinh Thị Ngà dựng nhà lá ở cùng các con, đến năm 1975 ông O có vợ cha mẹ cho ra ở riêng dưới mé sông, đến năm 2000 thực hiện dự án khôi phục Quốc lộ 1A đoạn Cần Thơ - Cà Mau phần đất ông O ở mé sông bị giải tỏa trắng, phù hợp với tài liệu Biên bản đền bù ngày 19/10/2001 của UBND huyện Mỹ Tú cho hộ ông O được đương sự cung cấp tại phiên toà; ông O lên thửa đất số 853, cất nhà ở cặp nhà cụ Nguyễn Văn D và cụ Đinh Thị Ngà (hiện bà H xây lại nhà mới) cho đến nay.

[2] Tại Biên bản hòa giải ngày 05/03/2020, ông O cũng đã xác nhận “Phần đất ruộng thửa đất số 227, tờ bản đồ số 03 cụ Dè và cụ Ngà nhận chuyển nhượng của bà Hai Bung, thửa đất số 853 các cụ nhận chuyển nhượng của bà Tư Lãnh và cho ông O đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” (BL: 56). Tuy nhiên, đối cY hồ sơ cấp Giấy CNQSDĐ số A 729333 ngày 01/12/1991 của UBND huyện Mỹ Tú (nay là huyện Châu Thành) cấp cho hộ Nguyễn Thanh O đã thể hiện: Người có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất là bà Nguyễn Thị Tuyết (vợ ông O); tại thời điểm kê khai đăng ký đất năm 1991, vợ chồng ông O ở phần đất mé sông, không quản lý thửa đất số 853, nhưng lại kê khai nguồn gốc chiếm dụng ruộng đất “Đất gốc”, tại thời điểm này cụ Ngà vẫn còn sống, có nhà ở trên đất và cụ Ngà cùng các con cũng không có văn bản tặng cho thửa đất số 853 cho ông O. Nay UBND huyện Châu Thành cũng trả lời cho Toà án cấp sơ thẩm biết việc cấp Giấy CNQSDĐ hộ ông Nguyễn Thanh O là cấp theo đại trà, không có thẩm định, đo vẽ. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm xác định UBND huyện Mỹ Tú (nay là huyện Châu Thành), cấp Giấy CNQSDĐ số A 729333 ngày 01/12/1991, cho hộ ông Nguyễn Thanh O không đúng đối tượng, không đúng quy định nên đã huỷ Giấy CNQSDĐ trên là cơ sở.

[3]. Toà án cấp sơ thẩm xác định thửa đất số 853, diện tích đo đạc thực tế là 557,8m² (đất thổ cư 300m², đất trồng cây lâu năm 257,8m²), tọa lạc tại Ấp Xây Đá A, xã Hồ Đắc K, huyện Châu T, tỉnh Sóc Trăng là di sản của cụ Nguyễn Văn D và cụ Đinh Thị N, chết để lại là phù hợp. Cụ Nguyễn Văn D và cụ Đinh Thị Ngà có 04 người con gồm: Ông Nguyễn Thanh O, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Ngọc M và bà Nguyễn Thị Huỳnh H, các cụ không có con nuôi hay con riêng, cha mẹ các cụ cũng đã chết, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015, chia di sản của hai cụ mỗi người con một kỹ phần thừa kế bằng nhau; sau khi trừ khu mộ diện tích 51,1m² (557,8m² - 51,1m²), diện tích còn lại 506,7m², chia đều cho các đồng thừa kế (506,7m²/4), mỗi người được thừa hưởng một kỹ phần thừa kế tương ứng diện tích 126,675m² (loại đất thổ cư 75m², đất trồng cây lâu năm 51,675m²) là có cơ sở.

[4]. Toà án cấp sơ thẩm đã xem xét nhu cầu sử dụng đất của các thừa kế; hiện ông O và bà H quản lý đất, xây dựng nhà ở trên đất; trong khi đó các thừa kế bà Lùn, M đang có chỗ ở khác, không có nhu cầu sử dụng đất để ở, nên tính giá trị kỹ phần được hưởng buộc ông O pO thanh toán tiền cho bà Lùn, bà M mỗi người số tiền 465.023.850 đồng (loại đất thổ cư $75m^2 \times 5.193.000đ/m^2$ + đất trồng cây lâu năm $51,675m^2 \times 1.462.000đ/m^2$); trả cho bà H số tiền 46.601.250 đồng (loại đất trồng cây lâu năm $31,875m^2 \times 1.462.000đ/m^2$) là phù hợp. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[5]. Tại cấp phúc thẩm, ông O kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo; lời trình bày của đại diện người kháng cáo không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên không chấp nhận; quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận; không chấp nhận đơn kháng cáo của ông O, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Ông O pO chịu án phí phúc thẩm nhưng do người cao tuổi theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nên ông O được miễn án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

I. Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Thanh O; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2023/DS-ST ngày 30 tháng 03 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng như sau:

Căn cứ khoản 5 và khoản 9 Điều 26, khoản 4 Điều 34, Điều 37, Điều 147, Điều 165, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 244, Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng Hành chính năm 2015.

Áp dụng Điều 15, Điều 613, Điều 623, Điều 649, điểm a khoản 1 Điều 650, điểm a khoản 1 và 2 Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 và điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Ngọc M và Nguyễn Thị Huỳnh H về việc yêu cầu buộc bị đơn Võ Minh S phải có trách nhiệm trả lại giá trị quyền sử dụng đất diện tích $15m^2$ đất thổ cư bằng tiền là 75.000.000 đồng ($15m^2 \times 5.000.000đ/m^2$).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Ngọc M và Nguyễn Thị Huỳnh H về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chia thừa kế theo pháp luật.

2.1. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 729333 ngày 01/12/1991 của UBND huyện Mỹ T (nay là huyện Châu T) cấp cho hộ Nguyễn Thanh O.

2.2. Chia thừa kế theo pháp luật đối với quyền sử dụng đất diện tích 557,8m² (loại đất thổ cư 300m², đất trồng cây lâu năm 257,8m²), thuộc thửa đất số 853, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại Ấp Xây Đá A, xã Hồ Đắc K, huyện Châu T, tỉnh Sóc Trăng là di sản của cụ Nguyễn Văn D và Đinh Thị N chết để lại. Để lại Khu mộ diện tích 51,1m²; Phần đất còn lại diện tích 506,7m², chia thừa kế cho các nguyên đơn Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Ngọc M, Nguyễn Thị Huỳnh H và bị đơn Nguyễn Thanh O mỗi người được thừa hưởng 01 kỷ phần thừa kế tương đương diện tích 126,675m² (loại đất thổ cư 75m², đất trồng cây lâu năm 51,675m²), có giá trị 465.023.850 đồng.

- Ôn định cho nguyên đơn Nguyễn Thị Huỳnh H tiếp tục sử dụng diện tích 94,8m² (loại đất thổ cư 75m², đất trồng cây lâu năm 19,8m²), thuộc thửa đất số 853, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại Ấp Xây Đá A, xã Hồ Đắc K, huyện Châu T, tỉnh Sóc Trăng. Vị trí và tứ cận đất như sau:

+ Hướng Đông: Giáp thửa 989 (phần đất ông Sơn nhận chuyển nhượng của ông O), có số đo 10,66m + 16,89m + 7,27m;

+ Hướng Tây: Giáp phần đất còn lại của thửa 853, do ông Nguyễn Thanh O đang sử dụng, có số đo 7,01m+0,53m+28,86m;

+ Hướng Nam: Giáp Quốc lộ 1A, có số đo 4,16m;

+ Hướng Bắc: Giáp phần đất còn lại của thửa 853 (phần đất khu mộ), có số đo 1,33m.

(có sơ đồ đo đạc kèm theo)

- Ôn định cho bị đơn Nguyễn Thanh O tiếp tục sử dụng diện tích 205,3m² (loại đất thổ cư 135m², đất trồng cây lâu năm 70,3m²), thuộc thửa đất số 853, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại Ấp Xây Đá A, xã Hồ Đắc K, huyện Châu T, tỉnh Sóc Trăng. Vị trí và tứ cận đất như sau:

+ Hướng Đông: Giáp phần đất còn lại của thửa 853, do bà Nguyễn Thị Huỳnh H sử dụng và phần đất khu mộ, có số đo 7,01m+0,53m+28,86m + 4m + 6,3,6m + 1,07m + 2,64m;

+ Hướng Tây: Giáp đất ông Lâm Hiệp S, có số đo 10,66m + 16,89m + 15,57m;

+ Hướng Nam: Giáp Quốc lộ 1A, có số đo 5,01m;

+ Hướng Bắc: Giáp Kênh Hậu, có số đo 2,97m.

(có sơ đồ đo đạc kèm theo)

- Khu mộ diện tích 51,1m² (loại đất trồng cây lâu năm), thuộc thửa đất số 853, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại Ấp Xây Đá A, xã Hồ Đắc K, huyện Châu T, tỉnh Sóc Trăng. Vị trí và tứ cận đất như sau:

+ Hướng Đông: Giáp thửa 989 (phần đất ông S nhận chuyển nhượng của ông O), có số đo 9m;

+ Hướng Tây: Giáp phần đất còn lại của thửa 853, do ông Nguyễn Thanh O đang sử dụng, có số đo 6,36m + 1,07m + 2,64m;

+ Hướng Nam: Giáp phần đất còn lại của thửa 853, có số đo 4m + 1,33m + 0,79m;

+ Hướng Bắc: Giáp Kênh Hậu, có số đo 4,81m.

(có sơ đồ đo đạc kèm theo)

Nguyên đơn Nguyễn Thị Huỳnh H và bị đơn Nguyễn Thanh O được lập thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng theo quy định của pháp luật về đất đai đối với diện tích được ổn định.

2.3. Bị đơn Nguyễn Thanh O có nghĩa vụ trả lại giá trị quyền sử dụng đất cho các đồng thửa kế là nguyên đơn:

- Trả cho nguyên đơn Nguyễn Thị L giá trị quyền sử dụng đất diện tích 126,675m² (loại đất thổ cư 75m², đất trồng cây lâu năm 51,675m²), với số tiền là 465.023.850 đồng.

- Trả cho nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc M giá trị quyền sử dụng đất diện tích 126,675m² (loại đất thổ cư 75m², đất trồng cây lâu năm 51,675m²), với số tiền là 465.023.850 đồng.

- Trả cho nguyên đơn Nguyễn Thị Huỳnh H giá trị quyền sử dụng đất diện tích 31,875m² (loại trồng cây lâu năm) với số tiền là 46.601.250 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, các nguyên đơn Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị M và Nguyễn Thị Huỳnh H có đơn yêu cầu thi hành án thì bị đơn Nguyễn Thanh O phải giao trả đủ cho bà L số tiền 469.190.550 đồng, bà M số tiền 469.190.550 đồng và bà H số tiền 46.601.250 đồng theo quy định của Luật Thi hành án dân sự. Nếu bị đơn Nguyễn Thanh O không thực hiện thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Nguyễn Thanh O về việc yêu cầu nguyên đơn Nguyễn Thị Huỳnh H và người cùng sử dụng đất phải giao trả quyền sử dụng đất diện tích 56m², thuộc thửa đất số 853, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại Ấp Xây Đá A, xã Hồ Đắc K, huyện Châu T, tỉnh Sóc Trăng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Huỳnh H và bị đơn Nguyễn Thanh O mỗi người phải chịu số tiền 22.600.950 đồng.

5. Về chi phí thẩm định đo đạc, định giá và thẩm định giá tài sản (Tổng cộng 6.950.000đồng + 9.050.000 đồng = 16.000.000 đồng): Nguyên đơn Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Huỳnh H và bị đơn Nguyễn Thanh O mỗi người phải chịu số tiền 4.000.000 đồng.

Do bà Lùn đã nộp tạm ứng lần đầu số tiền 6.950.000 đồng và sau đó bà Lùn, bà M, bà H cùng nộp tạm ứng lần hai số tiền 9.050.000 đồng. Do đó, cần khấu trừ số tiền đã nộp đã nộp tạm ứng nêu trên như sau:

Bà Lùn đã nộp xong số tiền chi phí nêu trên và được nhận số tiền còn dư do bà H và bà M nộp thêm mỗi người là 983.300 đồng; ông O hoàn trả cho bà Lùn số tiền 4.000.000 đồng.

II. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Thanh O được miễn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người pO thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

III. Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC (1)
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- TAND tỉnh Sóc Trăng (2);
- VKSND tỉnh Sóc Trăng (1);
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng (1);
- Đương sự (9)
- Lưu VP (5), (NTTP).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Ý

**CÁC THÀNH VIÊN
CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Minh

Vương Minh Tâm

Đặng Văn Ý

